

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HSST
Ngày: 25-03-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Trường Tam**.

Ông Đặng Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc: Bà Hứa Thị Cẩm Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2024/TLST - HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Thị B**, sinh ngày: 20/6/1976.

Tên gọi khác: Gái.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Đắc L** và bà **Nguyễn Thị B1**; Bản thân có chồng tên **Lê Văn H**, có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thị C**, sinh ngày: 07/4/1966.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị V** (đều đã chết); Bản thân có chồng tên **Phan Thanh P1**, có 01 con, đã chết; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Trường T**, sinh ngày: 19/9/1999.

Nơi thường trú: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Phan B2** và bà **Võ Thị Yên H1**; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Trần Thị Kim C1**, sinh ngày: 10/10/1980.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Hữu T1** và bà **Trần Thị Đ**; Bản thân có chồng tên **Nguyễn Văn C2**, có 01 con, sinh năm 2007; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: **Phạm Minh M**, sinh ngày: 30/7/2000.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phạm Hoài T2** và bà **Lê Thị Thùy L1**; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6/ Họ và tên: **Bùi Thị H2**, sinh ngày: 13/7/1972.

Tên gọi khác: **L2**.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Bùi Văn B3** và bà **Thái Thị N** (đều đã chết); Bản thân có chồng tên **Trần Văn T3**, có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7/ Họ và tên: **Trần Thị L3**, sinh ngày: 25/3/1973.

Nơi thường trú: 264/23 **Lê Văn L4, Khu phố A, phường T, Quận G, Tp .**; Nơi ở hiện tại: A34/19AB **Ấp A, xã B, huyện B, Tp .**; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Văn S** và bà **Nguyễn Thị H3**; Bản thân có chồng tên **Lê Hữu N1**, có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8/ Họ và tên: **Ngô Phương T4**, sinh ngày: 02/02/1994.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Ngô Văn T5** và bà **Phan Thị Tuyết S1**; Bản thân có vợ tên **Nguyễn Thị Huỳnh N2**, có 01 con, sinh năm 2021; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9/ Họ và tên: **Trần Thị Thanh H4**, sinh ngày: 01/3/1980.

Nơi thường trú: **A33/25CI Ấp A, xã B, huyện B, Tp .**; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Văn S** và bà **Nguyễn Thị H3**; Bản thân có chồng tên **Nguyễn Thanh T6**, có 01 con, sinh năm 2009; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

10/ Họ và tên: **Từ Thị Ngọc T7**, sinh ngày: 28/8/1986.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Từ Ngọc T8** và bà **Nguyễn Thị T9**; Bản thân có chồng tên **Phan Văn K** (đã ly hôn), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

11/ Họ và tên: **Phạm Quốc T10**, sinh ngày: 30/10/1998.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phạm Quốc T11** và bà **Phan Thị Thủy E**; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12/ Họ và tên: **Trần Văn T3**, sinh ngày: 24/7/1969.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Văn S** và bà **Nguyễn Thị H3**; Bản thân có vợ tên **Bùi Thị H2**, có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

13/ Họ và tên: **Trương Hoàng K1**, sinh ngày: 31/7/1984.

Nơi thường trú: **Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trương Ngọc T12** và bà **Nguyễn Thị Bé T13**; Bản thân có vợ tên **Nguyễn Mai Cẩm T14**, có 01 con, sinh năm 2005; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 24/01/2023, **Công an xã L** phối hợp với **Đ1 Công an huyện C** bắt quả tang 12 bị cáo đang đánh bạc dưới hình thức bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền tại nhà **Nguyễn Thị B**, tại **Ấp A, xã L, huyện C**. Các bị cáo tham gia

đánh bạc 12 người, gồm: Nguyễn Thị C, Nguyễn Trường T, Trần Thị Kim C1, Phạm Minh M, Bùi Thị H2, Trần Thị L3, Ngô Phương T4, Trần Thị Thanh H4, Từ Thị Ngọc T7, Phạm Quốc T10, Trần Văn T3 và Trương Hoàng K1. Tang vật thu giữ gồm: 07 (bảy) bộ bài tây 52 lá, tiền trên người các bị cáo 36.950.000 đồng, 01 (một) tấm chiếu lát và 07 (bảy) điện thoại di động các loại. Qua làm việc, Công an đã thu giữ một số tài sản của các bị cáo như sau:

1. Trần Văn T3: 01 (một) điện thoại di động Oppo A5, màu trắng và số tiền 4.700.000 đồng.
2. Bùi Thị H2: số tiền 1.500.000 đồng.
3. Ngô Phương T4: số tiền 6.000.000 đồng.
4. Trần Thị L3: số tiền 2.100.000 đồng.
5. Trần Thị Thanh H4: số tiền 2.000.000 đồng.
6. Trương Hoàng K1: 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu tím.
7. Phạm Quốc T10: 01 (một) điện thoại di động Iphone 8, màu vàng và số tiền 9.830.000 đồng.
8. Từ Thị Ngọc T7: số tiền 3.000.000 đồng.
9. Nguyễn Thị B: 01 (một) điện thoại di động Iphone SE, màu xám và số tiền 1.700.000 đồng.
10. Nguyễn Thị C: 01 (một) điện thoại di động Oppo A53, màu xanh và số tiền 4.700.000 đồng.
11. Phạm Minh M: 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu vàng và số tiền 1.270.000 đồng.
12. Nguyễn Trường T: 01 (một) điện thoại di động Iphone X, màu trắng và số tiền 150.000 đồng.

Qua điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 24/01/2024, tại nhà bị cáo Nguyễn Thị B. Các bị cáo còn lại (12), cùng nhau tham gia đánh bạc với hình thức chơi bài cào 03 lá, loại bài tây 52 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, trong sòng bài có khoảng 10 tụ, những ai không vào tụ thì ngồi ngoài ké với người đặt tụ, mỗi người làm cái 03 ván xoay vòng, nếu ai không làm thì cho qua lượt đến người khác làm. Hình thức chơi là người làm cái chia bài mỗi tụ 03 lá bài, sau đó coi bài đếm nút, nếu tụ nào có số nút lớn hơn nhà cái thì thắng và ngược lại. Những người chơi thống nhất, nếu người làm cái trong 03 ván ăn thì đưa tiền xâu cho bị cáo B là 50.000 đồng, nếu hòa hoặc thua thì không đưa tiền xâu, vì bị cáo B là người cung cấp bài và tấm chiếu lát trải ra sân cho các bị cáo ngồi chơi. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, xác định được tổng số tiền tham gia vào việc đánh bạc của các bị cáo là 28.550.000 đồng và 700.000 đồng tiền xâu. Cụ thể như sau:

1. **Trần Thị Kim C1** sử dụng 2.000.000 đồng, kết quả thắng 4.000.000 đồng.
2. **Trương Hoàng K1** sử dụng 4.000.000 đồng, kết quả thua 1.000.000 đồng.
3. **Bùi Thị H2** sử dụng 2.600.000 đồng, kết quả thua 1.100.000 đồng.
4. **Nguyễn Trường T** sử dụng 1.150.000 đồng, kết quả thua 1.000.000 đồng.
5. **Trần Văn T3** sử dụng 2.000.000 đồng, kết quả thắng 2.700.000 đồng.
6. **Từ Thị Ngọc T7** sử dụng 3.000.000 đồng, kết quả hòa vốn.
7. **Ngô Phương T4** sử dụng 4.000.000 đồng, kết quả thắng 2.000.000 đồng.
8. **Phạm Quốc T10** đem theo 10.130.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng, kết quả thua 300.000 đồng.
9. **Trần Thị Thanh H4** sử dụng 2.000.000 đồng, kết quả hòa vốn.
10. **Phạm Minh M** sử dụng 1.800.000 đồng, kết quả thua 530.000 đồng.
11. **Nguyễn Thị C** đem theo 4.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng, kết quả thắng 700.000 đồng.
12. **Trần Thị L3** sử dụng 1.000.000 đồng, kết quả thắng 1.100.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKSCG ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bị cáo **Nguyễn Thị B** về tội “*Gá bạc*” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo còn lại (12 bị cáo) cùng về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị B** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Thị C, Nguyễn Trường T, Phạm Minh M, Bùi Thị H2, Trần Thị L3, Trần Thị Thanh H4, Từ Thị Ngọc T7 và Trần Văn T3, mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Trần Thị Kim C1, **Ngô Phương T4**, **Phạm Quốc T10**, **Trương Hoàng K1** mỗi bị cáo số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 07 (bảy) bộ bài tây và 01 (một) tấm chiếu lát.

Đối với số tiền 36.950.000 đồng thu giữ của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 26.820.000 đồng, của các bị cáo dùng đánh bạc và thu lợi bất chính.

Tiếp tục tạm giữ số 7.130.000 đồng của bị cáo **Phạm Quốc T10** và 2.000.000 đồng và của bị cáo **Nguyễn Thị C** đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả cho bị cáo **Nguyễn Thị B** số tiền 1.000.000 đồng.

Buộc bị cáo **Trương Hoàng K1** nộp lại số tiền 3.000.000 đồng và bị cáo **Trần Thị Kim C1** nộp lại số tiền 6.000.000 đồng, tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước.

Đối với 07 (bảy) điện thoại di động các loại là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến vụ án, nên đã trao trả lại cho các chủ sở hữu, là phù hợp.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện C**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 19 giờ ngày 24/01/2023, tại nhà bị cáo **Nguyễn Thị B**. Các bị cáo: **Nguyễn Thị C**, **Nguyễn Trường T**, **Trần Thị Kim C1**, **Phạm Minh M**, **Bùi Thị H2**, **Trần Thị L3**, **Ngô Phương T4**, **Trần Thị Thanh H4**, **Từ Thị Ngọc T7**, **Phạm Quốc T10**, **Trần Văn T3** và **Trương Hoàng K1** cùng nhau tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền, với tổng số tiền tham gia đánh bạc thể hiện trong hồ sơ là 28.550.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo **C1** khai nhận là sử dụng số tiền 4.000.000 đồng tham gia đánh bạc chứ không phải sử dụng 2.000.000 đồng như đã khai tại cơ quan điều tra. Nên tổng số tiền đánh bạc xác định là 30.550.000 đồng. Quá trình chơi, **Nguyễn Thị B** là người cung cấp bài cho những người chơi và trực tiếp thu tiền xâu với tổng số tiền là 700.000 đồng. Cụ thể: **Trần Thị Kim C1** sử dụng 4.000.000 đồng; **Trương Hoàng K1** sử dụng 4.000.000 đồng; **Bùi Thị H2** sử dụng 2.600.000 đồng; **Nguyễn Trường T** sử dụng 1.150.000 đồng; **Trần Văn T3** sử dụng 2.000.000 đồng; **Từ Thị Ngọc T7** sử dụng 3.000.000 đồng; **Ngô Phương T4** sử dụng 4.000.000 đồng; **Phạm Quốc T10** đem theo 10.130.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng; **Trần Thị Thanh H4** sử dụng 2.000.000 đồng; **Phạm Minh M** sử dụng 1.800.000 đồng; **Nguyễn Thị C** đem theo 4.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng và **Trần Thị L3** sử dụng 1.000.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Qua làm việc, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3] Qua điều tra, xét thấy hành vi của bị cáo **Nguyễn Thị B** đã sử dụng sân nhà, thuộc quyền thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình để cho 12 người đánh bạc trong cùng một lúc và tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá trên 20.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo **B** đã cấu thành tội “*Gá bạc*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của 12 (mười hai) bị cáo có tên nêu trên, qua điều tra và tại phiên tòa chứng minh được số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 30.550.000 đồng, tức trị giá trên 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm trật tự công cộng, các bị cáo nhận biết đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác, nên Nhà nước ta đấu tranh ngăn chặn tệ nạn cờ bạc trong xã hội để góp phần giữ gìn an ninh, trật tự xã hội. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Trong vụ án cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của từng bị cáo khi lượng hình:

[6.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: các bị cáo phạm tội không có tính tiết tăng nặng.

[5.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo (13) đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo (12) phạm tội đánh bạc đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **B** có hoàn cảnh gia đình khó khăn (hộ cận nghèo), bị cáo **C** có bà có tên **Nguyễn Thị C3** và chú tên **Nguyễn Văn K2** là liệt sĩ, bị cáo **T** là bộ đội xuất ngũ, bị cáo **M** có nhiều đóng góp cho công tác xã hội tại địa phương, bị cáo **T7** là mẹ đơn thân nuôi 02 con còn nhỏ, bị cáo **T3**, **H2**, **L3** và **H4** gia đình có người thân là người có công với cách mạng (ông **Dương Văn C4** là liệt sĩ) là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.3] Xét về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án và nhân thân các bị cáo: các bị cáo phạm tội đánh bạc tính chất, mức độ hành vi phạm tội là như nhau, cùng tham gia đánh bạc, tuy số tiền tham gia nhiều ít có khác nhau. Xét về nhân thân, các bị cáo (13) đều có nhân thân tốt.

[6] Xét thấy bị cáo **Nguyễn Thị B** phạm tội có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã phân tích tại phần [5.2] và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, được sửa đổi bổ sung theo nội dung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì xét thấy không cần cách ly, cho bị cáo **B** hưởng án treo cũng có thể tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội và việc cho hưởng án treo đối với bị cáo **B** cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo **B** cũng đủ răn đe, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự.

[7] Xét thấy, các (12) bị cáo phạm tội đánh bạc có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ răn đe các bị cáo. Do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[8] Về tang vật thu giữ: căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý như sau:

[8.1] Đối với số tiền 36.950.000 đồng thu giữ của các bị cáo. Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước số tiền 26.820.000 đồng và tiếp tục tạm giữ 9.130.000 đồng để đảm bảo thi hành án và hoàn trả 1.000.000 đồng, cụ thể:

[8.1.1] **Trần Văn T3** thu giữ số tiền 4.700.000 đồng. Do sử dụng 2.000.000 đồng, kết quả thắng 2.700.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 4.700.000 đồng.

[8.1.2] **Bùi Thị H2** thu giữ số tiền 1.500.000 đồng. Do sử dụng 2.600.000 đồng, kết quả thua 1.100.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 1.500.000 đồng.

[8.1.3] **Ngô Phương T4** thu giữ số tiền 6.000.000 đồng. Do sử dụng 4.000.000 đồng, kết quả thắng 2.000.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 6.000.000 đồng.

[8.1.4] **Trần Thị L3** thu giữ số tiền 2.100.000 đồng. Do sử dụng 1.000.000 đồng, kết quả thắng 1.100.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 2.100.000 đồng.

[8.1.5] **Trần Thị Thanh H4** thu giữ số tiền 2.000.000 đồng. Do sử dụng 2.000.000 đồng, kết hòa vốn, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 2.000.000 đồng.

[8.1.6] **Phạm Quốc T10** thu giữ số tiền 9.830.000 đồng. Do sử dụng 3.000.000 đồng, kết quả thua 300.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 2.700.000 đồng. Số tiền còn lại 7.130.000 đồng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8.1.7] **Từ Thị Ngọc T7** thu giữ số tiền 3.000.000 đồng. Do sử dụng 3.000.000 đồng, kết hòa vốn, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 3.000.000 đồng.

[8.1.8] **Nguyễn Thị B** thu giữ số tiền 1.700.000 đồng. Do thu tiền xâu được 700.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 700.000 đồng. Số tiền còn lại 1.000.000 đồng hoàn trả (do không áp dụng hình phạt bổ sung).

[8.1.9] **Nguyễn Thị C** thu giữ số tiền 4.700.000 đồng. Do sử dụng 2.000.000 đồng, kết quả thắng 700.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 2.700.000 đồng. Số tiền còn lại 2.000.000 đồng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8.1.10] **Phạm Minh M** thu giữ số tiền 1.270.000 đồng. Do sử dụng 1.800.000 đồng, kết quả thua 530.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 1.270.000 đồng.

[8.1.11] **Nguyễn Trường T** thu giữ số tiền 150.000 đồng. Do sử dụng 1.150.000 đồng, kết quả thua 1.000.000 đồng, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước 150.000 đồng.

[8.2] Đối với: bị cáo **Trương Hoàng K1** khai nhận sử dụng 4.000.000 đồng, kết quả thua 1.000.000 đồng, số tiền 3.000.000 đồng bị rút mất khi bỏ chạy, nên buộc nộp lại số tiền 3.000.000 đồng, tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước. Bị cáo **Trần Thị Kim C1** khai nhận sử dụng 4.000.000 đồng, kết quả thắng 2.000.000 đồng, số tiền 6.000.000 đồng bị rút mất khi bỏ chạy, nên buộc nộp lại số tiền 6.000.000 đồng, tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước.

[8.3] Đối với 07 (bảy) bộ bài tây và 01 (một) tấm chiếu lát, xét thấy không có giá trị sử dụng và giá trị sử dụng không lớn, nên tịch thu tiêu hủy.

[8.4] Đối với 07 (bảy) điện thoại di động các loại thu giữ của các bị cáo: **Trần Văn T3**: 01 (một) điện thoại di động Oppo A5, màu trắng; **Trương Hoàng K1**: 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu tím; **Phạm Quốc T10**: 01 (một) điện thoại di động Iphone 8, màu vàng; **Nguyễn Thị B**: 01 (một) điện thoại di động Iphone SE, màu xám; **Nguyễn Thị C**: 01 (một) điện thoại di động Oppo A53, màu xanh; **Phạm Minh M**: 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu vàng và **Nguyễn Trường T**: 01 (một) điện thoại di động Iphone X, màu trắng. Xét thấy là tài sản hợp pháp của các bị cáo, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho các bị cáo, là phù hợp.

[9] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, đối với bị cáo **B** do là hộ cận nghèo, nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị B** phạm tội “*Gá bạc*”.

1. Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Thị B** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (25/3/2024).

Giao bị cáo **Nguyễn Thị B** về cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thị C**, **Nguyễn Trường T**, **Trần Thị Kim C1**, **Phạm Minh M**, **Bùi Thị H2**, **Trần Thị L3**, **Ngô Phương T4**, **Trần Thị Thanh H4**, **Từ Thị Ngọc T7**, **Phạm Quốc T10**, **Trần Văn T3** và **Trương Hoàng K1** cùng phạm tội “Đánh bạc”

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Thị C số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Nguyễn Trường T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Phạm Minh M số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bùi Thị H2 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Trần Thị L3 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Trần Thị Thanh H4 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Từ Thị Ngọc T7 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Trần Văn T3 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Trần Thị Kim C1 số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Ngô Phương T4 số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Phạm Quốc T10 số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Trương Hoàng K1 số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Về tang vật:

Tịch thu tiêu hủy: 07 (bảy) bộ bài tây và 01 (một) tấm chiếu lát.

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 26.820.000 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng) gồm số tiền của các bị cáo: **Trần Văn T3** số tiền 4.700.000 đồng; **Bùi Thị H2**: số tiền 1.500.000 đồng; **Ngô Phương T4**: số tiền 6.000.000 đồng; **Trần Thị L3**: số tiền 2.100.000 đồng; **Trần Thị Thanh H4**: số tiền

2.000.000 đồng; **Phạm Quốc T10**: số tiền 2.700.000 đồng; **Từ Thị Ngọc T7**: số tiền 3.000.000 đ; **Nguyễn Thị B**: số tiền 700.000 đồng; **Nguyễn Thị C**: số tiền 2.700.000 đồng; **Phạm Minh M**: số tiền 1.270.000 đồng; **Nguyễn Trường T**: số tiền 150.000 đồng.

Buộc bị cáo **Trương Hoàng K1** nộp lại số tiền 3.000.000 đồng và bị cáo **Trần Thị Kim C1** nộp lại số tiền 6.000.000 đồng, tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 9.130.000 đồng (Chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng), cụ thể: 7.130.000 đồng của bị cáo **Phạm Quốc T10**, 2.000.000 đồng của bị cáo **Nguyễn Thị C** đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả cho bị cáo **Nguyễn Thị B** số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 20/QĐ-VKSCG và 21/QĐ-VKSCG, cùng ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Nguyễn Thị B**. Các bị cáo còn lại, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CA huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Giuộc, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 45 phút ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Trường Tam**.

Ông Đặng Văn Vững.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2024/TLST-HS, ngày 29/02/2025 đối với bị cáo: Nguyễn Thị Bưởi và Nguyễn Thị Chín cùng đồng phạm.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bưởi phạm tội “*Gá bạc*”.

Tuyên bố các bị cáo (12): Nguyễn Thị Chín, Nguyễn Trường Tiến, Trần Thị Kim Chi, Phạm Minh Mẫn, Bùi Thị Hương, Trần Thị Lan, Ngô Phương Toàn, Trần Thị Thanh Hồng, Từ Thị Ngọc Thuyền, Phạm Quốc Toàn, Trần Văn Tùng và Trương Hoàng Khanh cùng phạm tội “*Đánh bạc*”

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

2.1 Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bưởi: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự.

2.2 Đối với bị cáo Nguyễn Thị Chín, Nguyễn Trường Tiến, Phạm Minh Mẫn, Bùi Thị Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Thanh Hồng, Từ Thị Ngọc Thuyền và Trần Văn Tùng: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

2.3 Đối với bị cáo Trần Thị Kim Chi, Ngô Phương Toàn, Phạm Quốc Toàn và Trương Hoàng Khanh: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt: Xử phạt:

3.1 Nguyễn Thị Bưởi 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (25/3/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bưởi về cho Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.2 Nguyễn Thị Chín số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.3 Nguyễn Trường Tiến số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.4 Phạm Minh Mẫn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.5 Bùi Thị Hương số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.6 Trần Thị Lan số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.7 Trần Thị Thanh Hồng số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.8 Từ Thị Ngọc Thuyền số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.9 Trần Văn Tùng số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.10 Trần Thị Kim Chi số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

3.11 Ngô Phương Toàn số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

3.12 Phạm Quốc Toàn số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

3.13 Trương Hoàng Khanh số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Về tang vật:

Tịch thu tiêu hủy: 07 (bảy) bộ bài tây và 01 (một) tấm chiếu lát.

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 26.820.000 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng) gồm số tiền của các bị cáo: Trần Văn Tùng số tiền 4.700.000 đồng; Bùi Thị Hương: số tiền 1.500.000 đồng; Ngô Phương Toàn: số tiền 6.000.000 đồng; Trần Thị Lan: số tiền 2.100.000 đồng; Trần Thị Thanh Hồng: số tiền 2.000.000 đồng; Phạm Quốc Toàn: số tiền 2.700.000 đồng; Từ Thị Ngọc Thuyền: số tiền 3.000.000 đ; Nguyễn Thị Bưởi: số tiền 700.000 đồng; Nguyễn Thị Chín: số tiền 2.700.000 đồng; Phạm Minh Mẫn: số tiền 1.270.000 đồng; Nguyễn Trường Tiến: số tiền 150.000 đồng.

Buộc bị cáo Trương Hoàng Khanh nộp lại số tiền 3.000.000 đồng và bị cáo Trần Thị Kim Chi nộp lại số tiền 6.000.000 đồng, tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 9.130.000 đồng (chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng), cụ thể: 7.130.000 đồng của bị cáo Phạm Quốc Toàn, 2.000.000 đồng và của bị cáo Nguyễn Thị Chín đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thị Bưởi số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 20/QĐ-VKSCG và 21/QĐ-VKSCG, cùng ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Bưởi. Các bị cáo còn lại, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

VÕ TRƯỜNG TAM – ĐẶNG VĂN VŨNG

NGUYỄN ĐỨC BẢO